

**CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN
NƯỚC TRONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~106~~/2020/CBTT-NTH

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 06 năm 2020

“V/v Biên bản, Nghị quyết
ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
và Quy chế nội bộ về quản trị
Công ty”

Kính gửi: - Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

Mã chứng khoán : NTH

Trụ sở chính : Lô B5 – Khu IVB1 Nam Sông Trà Khúc, P. Trần Phú,
TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại : (0255) 381 9662 Fax: (0255) 381 9598

Người thực hiện CBTT : Ông Nguyễn Đình Xuân Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Loại thông tin công bố: 24 h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố :

- Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ nội dung Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và Quy chế nội bộ về quản trị của CTCP Thủy điện Nước Trong tại www.thuydiennuoctrong.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTLKCKVN;
- Giám đốc;
- Lưu VT.



NGUYỄN ĐÌNH XUÂN

Số: 39/2020/NQ-ĐHĐCĐ

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 06 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Thủy điện Nước Trong;
Căn cứ nội dung Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Thủy điện Nước Trong số 38/2020/BB-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2020 đã được Đại hội nhất trí thông qua;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019.
2. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019.
3. Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.
4. Kết quả SXKD và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019.
- *Kết quả SXKD năm 2019.*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019
1	Doanh thu	Triệu đồng	103.716,43
2	Chi phí	Triệu đồng	63.836,72
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	39.879,72
4	Thuế TNDN	Triệu đồng	2.025,01
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	37.854,70

- *Phương án phân phối Lợi nhuận năm 2019.*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Phân phối lợi nhuận
1	Lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế năm trước chuyển sang	Triệu đồng	2.441,26
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2019	Triệu đồng	37.854,70
3	Trích lập các quỹ 10% trên LNST năm 2019 $\{(3)=(2)*10\}$	Triệu đồng	3.785,47
	<i>Trong đó:</i>		
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng	1.700,00
	- Quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	2.085,47
4	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau trích quỹ $\{(4)=(1)+(2)-(3)\}$	Triệu đồng	36.510,49
5	Tỷ lệ cổ tức / mệnh giá cổ phần		27%
6	Số tiền cổ tức của năm 2019 chi trả bằng tiền	Triệu đồng	29.165,54
7	Lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế $\{(7)=(4)-(6)\}$	Triệu đồng	7.344,95

Giao cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn thời gian thích hợp để thanh toán cổ tức cho cổ đông.

5. Kế hoạch SXKD và Kế hoạch phân phối Lợi nhuận năm 2020.

- Kế hoạch SXKD năm 2020.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020
1	Doanh thu	Triệu đồng	77.243,26
2	Chi phí	Triệu đồng	57.685,56
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	19.557,70
4	Thuế TNDN	Triệu đồng	985,39
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	18.572,32

- Kế hoạch phân phối Lợi nhuận năm 2020.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Phân phối lợi nhuận
1	Lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế năm trước chuyển sang	Triệu đồng	7.344,95
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	Triệu đồng	18.572,32
3	Trích lập các quỹ 10% trên LNST năm 2020 $\{(3)=(2)*10\}$	Triệu đồng	1.857,23
	Trong đó:		
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi $(5%*LNST)$	Triệu đồng	928,616
	- Quỹ đầu tư phát triển $(5%*LNST)$	Triệu đồng	928,616
4	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau trích quỹ $\{(4)=(1)+(2)-(3)\}$	Triệu đồng	24.060,03
5	Tỷ lệ cổ tức / mệnh giá cổ phần		20%
6	Số tiền cổ tức của năm 2020 chi trả bằng tiền	Triệu đồng	21.604,11
7	Lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế $\{(7)=(4)-(6)\}$	Triệu đồng	2.455,93

Giao cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn thời gian thích hợp để tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2020 là 01 trong 02 đơn vị Kiểm toán độc lập sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

7. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

8. Mức Lương chuyên trách/thù lao của HĐQT và BKS năm 2020:

Chức vụ	ĐVT	Mức Lương chuyên trách/thủ lao (đồng/người/tháng)	Ghi chú
I- Hội đồng quản trị			
Chủ tịch HĐQT	Đồng	30.000.000	Lương chuyên trách (Người đại diện pháp luật của Công ty)
Thành viên HĐQT	Đồng	8.000.000	
II- Ban kiểm soát			
Trưởng Ban kiểm soát	Đồng	12.000.000	(Lương chuyên trách)
Thành viên BKS	Đồng	3.000.000	

Điều 2:

- Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 đối với ông Lê Văn Hưng và Đinh Văn Tiến.
- Danh sách trúng cử bổ sung vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022:

STT	Họ và tên	Ghi chú
1	Huỳnh Văn Triêm	Thành viên
2	Phạm Phong Thành	Thành viên

Điều 3: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty CP Thủy điện Nước Trong chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BGD;
- UBCKNN, VSD, HNX;;
- Website Cty;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN ĐÌNH XUÂN



**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 27/06/2020 tại Khách sạn Trung Tâm (Central Hotel), 01 Lê Lợi – thành phố Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong (Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300322171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 11/02/2004; thay đổi lần 09 ngày 29/03/2018; trụ sở chính tại: Lô B5 – Khu IVB1 Nam Sông Trà Khúc, Phường Trần Phú, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi).

I- THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI:

Cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong chốt tại ngày 03/04/2020.

II- TIẾN TRÌNH ĐẠI HỘI:

1. Thủ tục khai mạc đại hội:

1.1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

Vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 27/06/2020, Bà Huỳnh Thị Kim Cúc - Trưởng Ban kiểm soát công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau: Tổng số cổ đông tham dự: 16 người, sở hữu và đại diện 9.222.795 cổ phần, chiếm tỷ lệ 85,38% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Theo quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong đủ điều kiện tiến hành.

1.2. Giới thiệu Chủ tọa đoàn và Thư ký đại hội:

- Giới thiệu danh sách Chủ tọa đoàn:

Ông Ngô Trung Dũng - Đại diện Ban tổ chức Đại hội giới thiệu Chủ tọa đoàn như sau:

+ Chủ tọa:	Ông Nguyễn Đình Xuân	- Chủ tịch HĐQT
+ Thành viên:	Ông Nguyễn Thanh Xuân	- Giám đốc Công ty

Biểu quyết thông qua với 100% cổ đông có mặt đồng ý bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

- Chủ tọa đoàn giới thiệu Thư ký đại hội:

+ Ông Ngô Trung Dũng	Trưởng ban
+ Bà Hoàng Thị Thùy	Thành viên

- Chủ tọa phát biểu Công bố chương trình đại hội.

2. Diễn biến đại hội:

2.1. Cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết thông qua Chương trình đại hội:

Biểu quyết thông qua với 100% cổ đông có mặt đồng ý bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

2.2. Cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu và Quy chế tổ chức đại hội:

- Đại hội thông qua Ban kiểm phiếu gồm:

- | | |
|------------------------|------------|
| + Bà Huỳnh Thị Kim Cúc | Trưởng ban |
| + Ông Trần Đức Nhật | Thành viên |
| + Ông Phạm Minh Tâm | Thành viên |

Biểu quyết thông qua với 100% cổ đông có mặt đồng ý bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

- Đại hội thông qua Quy chế tổ chức Đại hội.

Biểu quyết thông qua với 100% cổ đông có mặt đồng ý bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

2.3. Báo cáo của Ban giám đốc, HĐQT và Ban kiểm soát:

- Ông Nguyễn Thanh Xuân - Giám đốc Công ty báo cáo thực hiện SXKD năm 2019.
- Ông Nguyễn Đình Xuân - Chủ tịch HĐQT Công ty báo cáo về Hoạt động của HĐQT năm 2019.
- Bà Huỳnh Thị Kim Cúc - Trưởng Ban kiểm soát báo cáo về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019.

2.4. Giới thiệu Tờ trình số 27/2020/TTr-HĐQT của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:

- Ông Nguyễn Văn Cao – Thành viên HĐQT trình bày Tờ trình số 27/2020/TTr-HĐQT của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 với các nội dung đề nghị thông qua như sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019.
2. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019.
3. Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.
4. Kết quả SXKD và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019.

- Kết quả SXKD năm 2019.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019
1	Doanh thu	Triệu đồng	103.716,43
2	Chi phí	Triệu đồng	63.836,72
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	39.879,72
4	Thuế TNDN	Triệu đồng	2.025,01
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	37.854,70

- Phương án phân phối Lợi nhuận năm 2019.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Phân phối lợi nhuận
1	Lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế năm trước chuyển sang	Triệu đồng	2.441,26
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2019	Triệu đồng	37.854,70
3	Trích lập các quỹ 10% trên LNST năm 2019 $\{(3)=(2)*10\}$	Triệu đồng	3.785,47
	<i>Trong đó:</i>		
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng	1.700,00
	- Quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	2.085,47
4	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau trích quỹ $\{(4)=(1)+(2)-(3)\}$	Triệu đồng	36.510,49
5	Tỷ lệ cổ tức / mệnh giá cổ phần		27%
6	Số tiền cổ tức của năm 2019 chi trả bằng tiền	Triệu đồng	29.165,54
7	Lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế $\{(7)=(4)-(6)\}$	Triệu đồng	7.344,95

Giao cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn thời gian thích hợp để thanh toán cổ tức cho cổ đông.

5. Kế hoạch SXKD và Kế hoạch phân phối Lợi nhuận năm 2020.

- Kế hoạch SXKD năm 2020.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020
1	Doanh thu	Triệu đồng	77.243,26
2	Chi phí	Triệu đồng	57.685,56
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	19.557,70
4	Thuế TNDN	Triệu đồng	985,39
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	18.572,32

- Kế hoạch phân phối Lợi nhuận năm 2020.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Phân phối lợi nhuận
1	Lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế năm trước chuyển sang	Triệu đồng	7.344,95
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	Triệu đồng	18.572,32
3	Trích lập các quỹ 10% trên LNST năm 2020 $\{(3)=(2)*10\}$	Triệu đồng	1.857,23
	<i>Trong đó:</i>		
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%*LNST)	Triệu đồng	928,616
	- Quỹ đầu tư phát triển (5%*LNST)	Triệu đồng	928,616
4	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau trích quỹ $\{(4)=(1)+(2)-(3)\}$	Triệu đồng	24.060,03
5	Tỷ lệ cổ tức / mệnh giá cổ phần		20%
6	Số tiền cổ tức của năm 2020 chi trả bằng tiền	Triệu đồng	21.604,11
7	Lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế $\{(7)=(4)-(6)\}$	Triệu đồng	2.455,93

Giao cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn thời gian thích hợp để tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

6. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

7. Mức Lương chuyên trách/thù lao của HĐQT và BKS năm 2020:

Chức vụ	ĐVT	Mức Lương chuyên trách/thù lao (đồng/người/tháng)	Ghi chú
I- Hội đồng quản trị			
Chủ tịch HĐQT	Đồng	30.000.000	Lương chuyên trách (Người đại diện pháp luật của Công ty)
Thành viên HĐQT	Đồng	8.000.000	
II- Ban kiểm soát			
Trưởng Ban kiểm soát	Đồng	12.000.000	(Lương chuyên trách)
Thành viên BKS	Đồng	3.000.000	

2.5. Giới thiệu Tờ trình của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:

Bà Huỳnh Thị Kim Cúc – Trưởng Ban kiểm soát trình bày Tờ trình của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 với các nội dung đề nghị thông qua như sau:

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các Công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm và soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2020 của công ty gồm:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

2.6. Thảo luận và biểu quyết các vấn đề nêu tại Tờ trình số 27/2020/TTr-HĐQT và Tờ trình của Ban kiểm soát:

2.6.1 Các cổ đông tiến hành thảo luận về nội dung các Tờ trình:

Sau khi kết thúc thời gian thảo luận, các đại biểu tham dự đại hội tiến hành biểu quyết.

2.6.2 Kết quả biểu quyết thông qua các vấn đề:

a) Số liệu liên quan đến cổ đông tham dự đại hội:

Vào lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày, tổng số cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội là 23 người (tăng 07 người so với Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông), sở hữu và đại diện 9.316.262 cổ phần, chiếm tỷ lệ 86,25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Tổng số phiếu biểu quyết phát ra: 23 phiếu, sở hữu và đại diện cho 9.316.262 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu biểu quyết thu vào: 23 phiếu, sở hữu và đại diện cho 9.316.262 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 23 phiếu, sở hữu và đại diện cho 9.316.262 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu, sở hữu và đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

b) Kết quả biểu quyết thông qua các vấn đề của Tờ trình số 27/2020/TTr-HĐQT và Tờ trình của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:

STT	Nội dung	Tán thành (%)	Không tán thành (%)	Không có ý kiến (%)	Không hợp lệ (%)
1	Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019	90,21		9,79	
2	Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019	90,17		9,83	
3	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán	100			
4	Thông qua Kết quả SXKD và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019	100			
5	Thông qua Kế hoạch SXKD và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020	95,12	0,04	4,83	
6	Thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020	90,21		9,79	
7	Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	100			
8	Thông qua Mức Lương chuyên trách/thù lao của HĐQT và BKS năm 2020	89,97	0,04	9,99	

2.7. Giới thiệu Tờ trình số 28/2020/TTr-HĐQT của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 về việc Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022, giới thiệu Danh sách ứng cử/đề cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022:

Ông Nguyễn Đình Thọ – Thành viên HĐQT trình bày Tờ trình số 28/2020/TTr-HĐQT của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 về việc Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022, trong đó đề nghị miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Lê Văn Hưng và Đinh Vạn Tiến; Giới thiệu Danh sách ứng cử/đề cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 gồm:

- 1- Ông Huỳnh Văn Triêm.
- 2- Ông Phạm Phong Thành.

Biểu quyết thông qua với 100% cổ đông có mặt đồng ý bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

2.8. Đại hội thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022.

Biểu quyết thông qua với 100% cổ đông có mặt đồng ý bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

2.9. Kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022:

Việc biểu quyết bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu đôn phiếu.

Vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày, tổng số cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội là 23 người, sở hữu và đại diện 9316.262 cổ phần, chiếm tỷ lệ 86,25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2.9.1. Kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022:

a) Số liệu liên quan đến cổ đông tham dự đại hội:

- Tổng số phiếu bầu cử phát ra: 23 phiếu, đại diện cho 9.316.262 cổ phần.
- Tổng số phiếu bầu cử thu vào: 21 phiếu, đại diện cho 8.669.233 cổ phần.
- Tổng số phiếu bầu cử hợp lệ: 21 phiếu, đại diện cho 8.669.233 cổ phần.
- Tổng số phiếu bầu cử không hợp lệ: 21 phiếu, đại diện cho 8.669.233 cổ phần.

b) Kết quả bầu cử:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ bầu cử
1	Huỳnh Văn Triêm	9.500.534	101,98%
2	Phạm Phong Thành	7.592.287	81,49%

c) Danh sách người trúng cử:

STT	Họ và tên	Ghi chú
1	Huỳnh Văn Triêm	Thành viên
2	Phạm Phong Thành	Thành viên

III- KẾT THÚC ĐẠI HỘI:

Ban Thư ký đại hội lần lượt đọc Biên bản và Nghị quyết đề Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, tỷ lệ 100% cổ đông có mặt.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong kết thúc vào lúc 11 giờ 45 phút cùng ngày./.

**TM. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN**



NGÔ TRUNG DŨNG

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA - CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN ĐÌNH XUÂN

**CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN
NƯỚC TRONG**

Lô B5 - Khu IVB1 Nam Sông Trà Khúc,
P. Trần Phú, TP. Quảng Ngãi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG



Quảng Ngãi, tháng 06 năm 2020



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	1
CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ	2
Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	2
Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ	2
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ	3
Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ	3
Điều 7. Cách thức kiểm phiếu	4
Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....	4
Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ.....	4
Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ	5
Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ.....	6
Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	6
CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT.....	8
Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT	8
Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT.....	8
Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	9
Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	9
Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	9
CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT	10
Điều 19. Thông báo họp HĐQT	10
Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT	10
Điều 21. Cách thức biểu quyết	10
Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT.....	11
Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT.....	11
Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT	11
CHƯƠNG V: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	11

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	11
Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên.....	12
Điều 27. Cách thức bầu kiểm soát viên	12
Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	12
Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	13
CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT.....	13
Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT.....	13
Điều 31. Cơ cấu của các tiểu ban.....	13
Điều 32. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban	13
Điều 33. Việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên	13
Điều 34. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban.....	13
CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	14
Điều 35. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	14
Điều 36. Giám đốc	14
Điều 37. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác.....	15
Điều 38. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp.....	15
Điều 39. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	15
Điều 40. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	15
CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC.....	15
Điều 41. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Giám đốc	15
Điều 42. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho BKS	15
Điều 43. Các trường hợp Giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT.....	15
Điều 44. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.....	16
Điều 45. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc	16
Điều 46. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS.....	16
Điều 47. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS	16
Điều 48. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Giám đốc.....	17
Điều 49. Việc tiếp cận thông tin	17
Điều 50. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc	18

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

Điều 51. Phối hợp giữa Giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.....	18
CHƯƠNG IX: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....	19
Điều 52. Đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và cán bộ quản lý điều hành khác	19
Điều 53. Khen thưởng	19
Điều 54. Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	20
CHƯƠNG X: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	20
Điều 55. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty	20
Điều 56. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty	20
Điều 57. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty	20
Điều 58. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.....	21
Điều 59. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.....	21
CHƯƠNG XI: SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	21
Điều 60. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty.....	21
CHƯƠNG XII: NGÀY HIỆU LỰC.....	21
Điều 61. Ngày hiệu lực.....	21

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2020
của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong được xây dựng theo quy định của:
 - a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - b. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
 - c. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;
 - d. Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
 - e. Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
 - f. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong;
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.
3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Chữ viết tắt:
 - a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong;
 - b. “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần” số 4300322171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 11/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 29/03/2018;
 - c. “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng cổ đông;
 - d. “HĐQT”: Hội đồng quản trị;
 - e. “BKS”: Ban kiểm soát.
2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “**Quản trị công ty**” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
- b. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành;
- c. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp;
- d. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
- e. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là “Thành viên không điều hành”) là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- f. “Thành viên độc lập HĐQT” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;
- g. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017;
- h. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.
4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Công ty sẽ thực hiện thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thông báo được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự ĐHĐCĐ bằng cách gửi giấy xác nhận tham dự ĐHĐCĐ (theo mẫu đính kèm trong Thông báo mời họp) bằng fax hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ Công ty trong thời hạn được nêu tại Thông báo mời họp.
2. Nếu cổ đông không thể tham dự ĐHĐCĐ thì có thể ủy quyền cho người khác tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty. Người được ủy quyền dự họp phải nộp văn bản ủy quyền (bản gốc) cho Công ty trước khi vào tham dự ĐHĐCĐ.
3. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký và tham gia đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó hoặc sẽ được thông báo sau khi biểu quyết tất cả các vấn đề theo nội dung chương trình cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu

1. ĐHĐCĐ bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp để thực hiện việc kiểm phiếu đối với các vấn đề cần thông qua tại Đại hội.
2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, các quyết định khác của ĐHĐCĐ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử (nếu có).
4. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại; thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; Dự án đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể công ty được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ tán thành.
5. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nơi đăng ký kinh doanh của công ty, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là Người quản lý doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
3. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.

Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

- Từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 60% đến 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Trên 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử phù hợp với quy định của Pháp luật. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên HĐQT đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên HĐQT;
- b. Thành viên HĐQT đó có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên HĐQT đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên HĐQT đó không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của HĐQT và HĐQT quyết định chức vụ của thành viên này bị bỏ trống;
- e. Thành viên HĐQT đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- f. Thành viên HĐQT đó cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT

Điều 19. Thông báo họp HĐQT

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 21. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều 28 Điều lệ công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Điều lệ công ty trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 28 Điều lệ công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 34 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT

1. Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.
2. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

CHƯƠNG V: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Khoản 1 Điều 36 Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên BKS.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

- Từ 10% đến dưới 35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - Từ 35% đến dưới 60% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - Từ 60% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 27. Cách thức bầu kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Kiểm soát viên đó không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Kiểm soát viên đó có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Kiểm soát viên đó không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

- b. Kiểm soát viên đó vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định pháp luật về công bố thông tin.

CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT

HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

Điều 31. Cơ cấu của các tiểu ban

Thành viên của tiểu ban có thể bao gồm một hoặc nhiều thành viên HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT.

Điều 32. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban

Các thành viên HĐQT độc lập/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT.

Điều 33. Việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên.

HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

Điều 34. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép bổ nhiệm thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép những người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (i) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (ii) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 35. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.
2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 36. Giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại ĐHCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc công ty;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

5. HĐQT có thể bãi nhiệm Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 37. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

Điều 38. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động.

Điều 39. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 40. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 41. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Giám đốc

1. Chủ tịch HĐQT phải đảm bảo rằng thông báo mời họp, Phiếu lấy ý kiến Thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức đối với thành viên HĐQT.
2. HĐQT thông tin đến Trường BKS về các cuộc họp quan trọng của HĐQT để BKS và Giám đốc bố trí tham dự. Chương trình, nội dung cuộc họp gửi đến Trường BKS và Giám đốc cùng thời gian gửi đến các Thành viên HĐQT.

Điều 42. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho BKS

Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Điều 24 Quy chế này.

Điều 43. Các trường hợp Giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Việc đề nghị triệu tập họp HĐQT của BKS và Giám đốc được thực hiện theo Khoản 3 Điều 28 Điều lệ Công ty.
2. Việc Giám đốc và BKS xin ý kiến của HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 47 và Điều 51 Quy chế này.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

Điều 44. Báo cáo của Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo ĐHĐCĐ, HĐQT khi được yêu cầu.

Điều 45. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc

HĐQT quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc.

Điều 46. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

1. Giám đốc chịu trách nhiệm tiếp nhận tất cả các thông tin từ các bên liên quan, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và báo cáo các vấn đề vượt thẩm quyền. Báo cáo phải nêu rõ quan điểm, đề xuất, phương án xử lý cụ thể từng vấn đề để HĐQT quyết định.
2. Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập cách thức lưu chuyển thông tin đến HĐQT, BKS và các bên liên quan và đảm bảo rằng trong mọi trường hợp các thông tin theo quy định được chuyển đến đúng địa chỉ, kịp thời, minh bạch và thuận lợi cho quá trình quản lý.

Điều 47. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS
 - a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
 - b. Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Điều 24 Quy chế này;
 - c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT sẽ phản hồi ý kiến trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
 - d. Các nội dung khác cần tham khảo ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi trong thời gian phù hợp theo đúng quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp.
2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT
 - a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
 - b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;
 - c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trường BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

- d. Khi phát hiện có thành viên HĐQT hoặc Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp, Điều 33, Điều 34, và Điều 35 của Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
- f. Các nội dung khác cần tham khảo ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 48. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Giám đốc

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý phù hợp quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty.
2. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty được Giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn hợp lý theo quy định về quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc tại Điều 31 của Điều lệ Công ty.
4. HĐQT quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc.

Điều 49. Việc tiếp cận thông tin

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS phải nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

- b. Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
- c. Báo cáo của Giám đốc;
- d. Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
- e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- f. Tài liệu khác liên quan.

Điều 50. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

- a. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;
- b. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
- c. Khi phát hiện có thành viên HĐQT hoặc Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp, Điều 33, Điều 34, và Điều 35 của Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- d. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
- e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 51. Phối hợp giữa Giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.

- 1. Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

2. Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;
3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
4. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày.

**CHƯƠNG IX: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ
KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC
CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

Điều 52. Đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và cán bộ quản lý điều hành khác

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên HĐQT và Ban Giám đốc.
2. Trưởng BKS tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên BKS.
3. Giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng phòng, từng bộ phận trong công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:
 - a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
 - b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
 - c. Hoàn thành nhiệm vụ
 - d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 53. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của HĐQT, BKS, Ban điều hành; Giám đốc trình HĐQT (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ như khoản 3 Điều 52 Quy chế này.
2. Chế độ khen thưởng
 - a. Bằng tiền.
 - b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).
3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng của công ty hoặc từ Nguồn vốn chủ sở hữu trong trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc khen thưởng bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 54. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
2. Thành viên HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 55. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật;
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 56. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty

1. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty.
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 57. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty

HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

Điều 58. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 59. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

CHƯƠNG XI: SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 60. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG XII: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 61. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 12 chương 61 điều, được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua ngày 27 tháng 06 năm 2020.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN ĐÌNH XUÂN